

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Tạ Thị L**, sinh năm 1993. Có mặt.

ĐKHKTT: Thôn N, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Đội 3, thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn N, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc).

3. **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1958. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị **Tạ Thị L** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Văn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương ngày 22/10/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian chung sống với

nhau tại gia đình anh T nhưng không có hạnh phúc. Vợ chồng thường không hòa hợp trong cuộc sống. Đến năm 2014 thì anh T đi lao động ở nước ngoài, năm 2018 anh T về nước khoảng 20 ngày thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng hơn, nguyên nhân là do anh T nghi ngờ chị có quan hệ không chung thủy, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau. Ngoài ra, anh T còn cho rằng chị L đối xử không tốt với gia đình nhà chồng. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ để sinh sống từ năm 2020, giữa vợ chồng không có sự quan tâm và L lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là NKL, sinh ngày 20/7/2013 và NKN, sinh ngày 12/5/2015, hiện hai con chung đang ở với chị. Nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay, chị có thu nhập và chỗ ăn ở, ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung NKL và NKN đều có nguyện vọng ở cùng với mẹ là chị Tạ Thị L.

Tại lời khai của bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ anh T) thể hiện: Anh T hiện đang sinh sống tại Đài Loan-Trung Quốc, gia đình bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là do vợ chồng không hòa hợp, chị L đã chuyển ra ngoài ở từ lâu. Nay chị L có đơn ly hôn anh T, gia đình đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình bà T1 cũng đã L lạc với anh T qua điện thoại và đã thông báo cho anh T biết việc chị L khởi kiện ly hôn, giải quyết về con chung. Anh T có quan điểm thế nào thì bà không biết, chỉ biết anh T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị L, anh T đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị L và anh T kết hôn hợp pháp và sinh sống tại địa phương. Do kinh tế khó khăn nên anh T đã đi nước ngoài lao động còn chị L ở nhà chăm sóc các con. Vợ chồng thiếu sự quan tâm T1 nhau, không tin tưởng nhau nên không có hạnh phúc. Nay chị L có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, nguyên đơn, chấp hành đúng các quy định tại Điều 71, 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 82, 83 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Tạ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao

cho chị Tạ Thị L nuôi dưỡng hai con chung là NKL, sinh ngày 20/7/2013 và NKN, sinh ngày 12/5/2015, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị Tạ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tạ Thị L sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn N, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan-Trung Quốc, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình bà T1 (con gái bà T1) vẫn thường L lạc với anh T nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh T biết việc chị L đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh T biết. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương ngày 22/10/2012, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không có sự tin tưởng, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Kể từ thời điểm anh T đi nước ngoài, vợ chồng cũng không L lạc và có sự quan tâm T1 nhau. Sau đó chị L đã về gia đình bố mẹ để sinh sống. Thông qua gia đình, anh T biết việc chị L có đơn xin ly hôn, giải quyết về con chung nhưng anh T không có quan điểm thể hiện bằng văn bản gửi cho Tòa án. Thông qua việc điện thoại với gia đình, anh T thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Tạ Thị L và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là NKL, sinh ngày 20/7/2013 và NKN, sinh ngày 12/5/2015. Hiện đang ở với chị L. HĐXX xét thấy hiện con chung còn nhỏ, anh T hiện không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, hai con chung đều có

nguyện vọng ở cùng với mẹ. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển về mọi mặt của các con, HĐXX chấp nhận giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng chị L không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh T có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có) theo quy định của pháp luật và được giải quyết trong vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Tạ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Tạ Thị L** ly hôn anh **Nguyễn Văn T**.
2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho chị Tạ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là NKL, sinh ngày 20/7/2013 và NKN, sinh ngày 12/5/2015 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Nguyễn Văn T thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Tạ Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004687 ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân